

Phố Núi Pleiku Thời Chinh Chiến.

Khuong Le, K20

Đôi với một số người, PLEIKU như một thành phố để nhớ để thương một thời. Nhưng Pleiku có vui gì có đẹp gì cho cam, thậm chí còn có nhiều quan bất mãn gọi nơi đây là chôn lưu đày. Đã thế, Pleiku còn mang tên là Phố Núi gió lạnh mưa mùa. Thậm chí lại có người đặt thành vắn điệu, rủa Pleiku:

”Trai lên chinh chiến, gái về khăn tang.“

Chưa hết, Pleiku còn mang tên “phố lính”.

Ngoài dân bản địa là người dân tộc thiểu số Gia Rai và Ba Na, còn lại là đa số người Kinh từ tứ xứ lưu lạc tới đây, tựa như đất lành chim đậu, tha phương cầu thực. Chỉ khác một điều là họ đối xử với nhau thật chân tình, như ruột thịt.

Pleiku như vậy đó. Một lần nọ, khi bị lưu đày ở rừng núi Việt Bắc, trong một chuyến đi tải khoai mì, tình cờ tôi gặp lại một vài bạn thân đã từng đồn trú lâu dài tại phố núi Pleiku. Khi nhắc tới nơi đây hầu như ai cũng nảo nuột thở dài, buột miệng:

- “Nhớ Pleiku vô vắn. Nhớ hơn cả nơi chính mình sinh ra và lớn lên.“

Tôi cũng vậy, tôi cũng có chung niềm thương nhớ Pleiku như thế đó.

Đã có hàng ngàn trang sách, đã có hàng chục bài thơ viết về Pleiku với niềm tiếc thương. Tôi cũng muốn viết để hoài niệm về nơi chôn cũ, nhưng làm sao tôi có thể chuyển hết tình cảm tha thiết của mình đối với thành phố mà tôi vô cùng yêu dấu, là thành phố Núi của nhiều huyền thoại.

Tôi xuất thân Khóa 20 VÕ BỊ ĐÀ LẠT. Từ ngày mãn khóa ra trường đến khi mất nước, tôi đã phục vụ trong quân ngũ đúng mười năm ngắn ngủi, trong đó hết ba năm chiến đấu ngoài rừng núi. Thời gian bảy năm còn lại tôi phục vụ tại Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn II đóng tại Pleiku với chức vụ Sĩ Quan Kế Hoạch Hành Quân.



Với thời gian dài như thế, cộng thêm những dấu ấn về gia đình vợ và các con của tôi có đứa sinh ra từ nơi đó, về bạn bè đồng đội trong và ngoài Quân Đoàn. Quên sao được các chiến dịch long trời lở đất quân ta giáng lên kẻ thù Bắc Cộng. Đặc biệt trong các mùa hội ra quân, Pleiku thu hút hàng ngàn chiến binh Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa từ khắp bốn Vùng Chiến Thuật. Chiến trường chính tập trung tại Bắc Kontum với các địa danh vang danh một thuở, nào Pleime-Benhet, nào là Dakto-Tân Cảnh, nào là Charlie-Delta. Tôi chưa kể các cuộc hành quân Bình Tây chiến thắng lẫy lừng thời Trung Tướng

Lữ Lan làm Tư Lệnh Quân Đoàn II. Quân ta vượt biên đánh tận lãnh thổ Kampuchia, phá tan biết bao căn cứ địa của giặc, tịch thu hàng ngàn súng ống và hàng tấn đạn dược của Cộng Sản Bắc Việt. Các căn cứ địa trên do Bắc Quân lập dọc theo biên giới Miên – Việt, ngoài tích trữ lương thực, súng ống đạn dược, còn là nơi tập trung các binh đoàn của chúng từ Bắc vào Nam, nhằm mở các chiến dịch đánh chiếm Tây Nguyên và một số khu vực miền Trung gồm Nam, Ngãi, Bình, Phú.

Mỗi lần Cộng Quân mở các chiến dịch, đặc biệt chiến dịch Hè Thu hằng năm, nhằm đánh chiếm các căn cứ địa của ta tại Bắc Kontum, thì phổ Núi Pleiku như mở hội, bởi các binh đoàn thiện chiến như **Biệt Động Quân, Thủy Quân Lục Chiến, Nhảy Dù** từ các nơi về tăng cường cho **Quân Đoàn II, với đủ màu áo** về tập trung nơi đây, trước khi lên “trẩy hội” ở Bắc Kontum tiêu diệt kẻ thù. Tôi khoái nhất những lúc này, vì tôi có dịp gặp lại bạn bè cùng khóa lên tăng cường ở chiến trường này, chưa kể tôi lại là Sĩ Quan Kế Hoạch Hành Quân của Quân Đoàn. Tôi thấy hăng hăng lớp lớp các binh chủng về đây làm sao tôi không vui được. Theo kinh nghiệm trong quá khứ, mỗi lần họ về đây là mỗi lần quân thù chuốc lấy thảm bại. Tướng Cộng Sản Bắc Việt Hoàng Minh Thảo lại một lần ném mùi thất bại đắng cay!

Thời đó, từ 1968 đến 1975 chiến trường Tây Nguyên vô cùng sôi động, chẳng khác gì Khe Sanh của Quân Khu 1 và Bình Long của Quân Khu 3, mà một khi chiến trường sôi động thì mọi Phòng - Ban trong Bộ Tư Lệnh lại bề bộn công việc. Tất cả cho chiến trường, nhất là tại Phòng 3 Kế Hoạch Hành Quân của tôi lại càng đa đoan khẩn cấp đêm và ngày. Riêng tôi có cơ hội tháp tùng Tư Lệnh Quân Đoàn bay lên Bắc Kontum thị sát chiến trường, hoặc tham dự các buổi họp của Tư Lệnh với các chỉ huy trưởng các Binh Đoàn tham chiến.

Vào những lúc trời yên biển lặng, khi “Mặt Trận B3 Tây Nguyên Hạ Lào” (tên một đơn vị) của Cộng Sản Bắc Việt rút qua bên kia biên giới Miên và Lào để dưỡng quân thì tại Bộ

Tư Lệnh Quân Đoàn II các phòng ban cũng được thanh thoi đôi chút. Tuy nhiên tình hình này chỉ kéo dài đôi ba tháng. Trong suốt thời gian Trung Tướng Ngô Du làm Tư Lệnh Quân Đoàn II, mỗi tuần ông đến thăm các tiền đồn biên giới đôi ba lần nên tôi lại được đại diện Phòng 3 tháp tùng Ông. Từ trên trực thăng nhìn xuống núi đồi mênh mông đẹp và thơ mộng, đôi khi tôi quên luôn cái “sợ” hỏa lực địch ở dưới đất bắn lên, nên đem giấy bút ra làm đôi vần thơ thỏa mộng văn đàn. Cũng xin nói thêm, thưở đó Cộng Quân thỉnh thoảng bắn hạ trực thăng bay vào vùng của chúng. Mỗi lần như vậy là có tử vong, nên một vài anh em sĩ quan nghe đến phiên mình sẽ tháp tùng Tư Lệnh đi thăm tiền đồn thì họ có vẻ lo lắng. Ngược lại, tôi sẵn sàng đi thay họ, vì đây cũng là niềm thích thú của tôi được bay lên cao để chiêm ngưỡng hoàng hôn quyện vào đồi núi. Ôi! Pleiku có biết bao kỷ niệm đất và trời trong tim tôi!

Tôi không thích những ai bảo Pleiku là nơi đầy ải các quan bất mãn. Bạn bè tôi ai cũng yêu mến Pleiku và không ai muốn bỏ nơi này để đi an trú nơi khác. Tôi là một điển hình, tôi đỗ thủ khoa khóa Điều Khiển Tiếp Vận Cao Cấp khóa 1/1974. Ngày trao bằng thủ khoa tại trường Tiếp Vận ở Long Bình dưới sự chủ tọa của Trung Tướng Đồng Văn Khuyên Tổng Cục Trưởng Tổng Cục Tiếp Vận Bộ Tổng Tham Mưu, vị Trung Tá Trưởng Trung Tâm Điện Toán đã trình với Trung Tướng Khuyên cho tôi được chuyển về Trung Tâm Điện Toán.

Trung Tướng Khuyên đồng ý, nhưng tôi đã xin Tướng Khuyên cho tôi được trở về đơn vị cũ của tôi ở Pleiku. Tướng Khuyên chấp thuận trước sự ngạc nhiên của một số anh em đồng khóa. Có lẽ họ nghĩ tôi khùng. Từ Pleiku được chuyển về Sài Gòn là phước “ba đời vương”, là đổi đời lại nhanh gọn không qua thủ tục nào, mà tên Đại Úy cà khêu (hỏi đó tôi còn mang đại úy và ôm tong teo) này lại không nhận. Thật là chuyện “lạ” đời! Vì thế những ai coi Pleiku là nơi đầy ải của quan, quân bất mãn hoặc không thần thế là phải xét lại.

Tôi có cái duyên chuyên môn thảo trình văn thư cho ba đời

Tư Lệnh Quân Đoàn, do chính quan niệm của các vị Tư Lệnh Quân Đoàn II đề ra, các vị Tham Mưu Trưởng chuyển tiếp cho tôi soạn thảo. Cái lạ là dưới trướng của các vị Tư Lệnh thiếu gì các quan lớn thích hợp, chẳng hạn Đại Tá Trưởng Khối Chiến Tranh Chính Trị, Trung Tá Trưởng Phòng Tâm Lý Chiến, v... v... Có lẽ do tôi viết dễ hiểu và tập trung đúng vào nội dung chẳng?

Tôi đã từng vui buồn theo vận nước nổi trôi. Tôi cũng buồn vui qua các thắng bại của các cuộc hành quân tại chiến trường Tây Nguyên, đặc biệt tại vùng tứ địa Bắc Kontum. Tôi vui qua các chiến thắng dồn dập gọi về từ các cuộc hành quân BÌNH TÂY 1 & 2, phá nát Căn Cứ Địa 701 – 702 của Cộng Sản Bắc Việt, nằm trong lãnh thổ Kampuchia giáp ranh biên giới Miên-Việt. Tôi buồn khi hay tin Tân Cảnh bị bức tử, Đại Tá Lê Đức Đạt gọi thân ngoài chiến địa. Tôi buồn khi lãnh thổ của ta dần dần bị thu hẹp, cho đến khi mất Tây Nguyên.

Tôi không có nhiều dịp đi dạo quanh thành phố, nhưng tôi vẫn luôn cảm thấy nơi đây đẹp như một bài thơ; mà thi sĩ yêu mệnh - xứ Quảng gốc Huế - Vũ Hữu Định (1942-1981) đã viết trong bài “Còn Chút Gì Để Nhớ”. Trước đó, tôi cứ ngỡ bài thơ bất hủ này là của Kim Tuấn, vì anh cũng như tôi đã “đóng đô” lâu ngày ở phố Núi, vì anh cũng là thi sĩ có tiếng thời đó ở Pleiku. Tôi cũng đã có một đôi lần ăn sáng với anh Tuấn cùng anh em Phòng 4 Quân Đoàn tại quán bún bò Bà Sáng.

Hãy đọc lại bài thơ “Còn Chút Gì Để Nhớ”, đã được cô nhạc sĩ tài ba Phạm Duy phổ nhạc, được các ca sĩ tài danh như Lệ Thu... thực hiện.

*Phố núi cao, phố núi đầy sương
Phố núi cây xanh, trời thấp thật gần
Anh khách lạ, đi lên đi xuống
May mà có em, đời còn dễ thương...*

Pleiku tình tứ và dễ thương như vậy. Lữ khách chỉ một lần ghé qua mà còn hoài cảm như vậy, trách chi tôi có bảy năm

gắn bó vui buồn với Pleiku, thì làm sao không tiếc thương vô vàn khi để mất Pleiku vào tay giặc.

Tôi nhớ rất rõ con đường mỗi buổi sáng tôi lái xe đi làm. Từ Cư Xá Sĩ quan Trần Quý Cáp đi vòng qua tượng Bà Quan Âm trước cổng chùa Tuyên Úy Phật Giao, đi chút nữa vòng lên là trường trung học Pleime, có cô giáo tên Ngọ (?) - người tình trong thơ của Đại Đức Phạm Thiên Thư. Trước khi đến trường Pleime nhìn sâu vào là xóm nghèo mà nghe nói trước đây là nơi trú thân của cô bé tội nghiệp về sau chính là ca sĩ Phi Nhung. Trên đường chạy ngang qua cầu sắt nhỏ, bên tay phải là Bản Doanh của Sư Đoàn 6 Không Quân, dọc đường có lăm quân xa mang đủ màu sắc, huy hiệu của các binh chủng trú đóng. Nào là Liên-Đoàn 2 Biệt Động Quân, Thiết Đoàn 3 Kỵ Binh, các chi đội Pháo Binh. Chừng mười phút sau, tôi đến thành PLEIME uy nghiêm, Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn II, đầu não điều khiển toàn bộ lực lượng Quân Binh Chủng cơ hữu và tăng phái thuộc lãnh thổ Quân Khu 2.

Từ lính đến sĩ quan một khi lên chốn này trấn thủ dù không nói ra nhưng trong lòng họ đều đã tự nhủ ta có mặt ở nơi này, đất Tây Nguyên, phía Tây của Tổ Quốc, để gánh trọng trách chiến đấu đập tan quân Cộng Sản Bắc Việt xâm lược.

Thường vào các ngày Chủ Nhật rảnh rỗi, tôi đưa vợ và các con lên Biển Hồ ngao du sơn thủy. Gọi là Biển Hồ vì dân địa phương ở đây tin rằng hồ nước trong xanh rộng ba trăm hecta này thông ra biển. Xung quanh hồ non nước hữu tình mọc đủ loài cỏ dại, hoa nở bốn mùa. Đối diện bên hồ là tượng Bồ Tát Quan Âm bằng đá uy nghi nhìn xuống trần thế. Khách du có khi ngỡ mình đang lạc bước vào cảnh giới bồ đề, tâm mình bỗng dưng thanh tịnh lạ thường.

Rời Biển Hồ lái xe thông thả về hướng hậu cứ Liên Đoàn 2 Biệt Động Quân, hai bên đường là đồi xanh thoai thoải, có khi bất ngờ từng khóm hoa sim màu tím nở đẹp lạ lùng. Lòng tôi chạnh nghĩ phải chi quê hương thanh bình không có Bắc quân

xâm lược, nơi đây cũng là nơi an trú bình yên cho những ai có tâm hồn thanh tịnh yêu mến thiên nhiên. Tâm ý phiêu du gói trọn chỉ trong một buổi sáng Chủ Nhật đẹp trời. Sau khi viếng thăm Biển Hồ và các đồi xanh thoai thoải, tôi trở về thực tại, các binh đoàn của ta hành quân đêm ngày không ngơi nghỉ trên chiến tuyến Bắc Kontum.

Pleiku còn lắm phong cảnh hữu tình ru hồn khách viễn du, nhưng chiến tranh đã ngăn đi niềm mơ đó.

Nói đến Pleiku mà quên không nhắc đến người Thượng (Thượng du) anh em cùng chung sống nơi đây là một điều thiếu sót. Đồng bào Thượng sống thành từng bản, ở sâu trong rừng thẳm, sống chung với cây rừng. Không có cây rừng thì họ không thể sống được, vì chính cây rừng đã là nguồn cung cấp thực phẩm và nhà cửa cho họ, nương rẫy và giòng suối lượn quanh là đất sống của họ. Người Thượng thật thà và hiền lành như con nai trên rừng. Cái bụng của họ tốt lắm, chan hòa tình thân với mọi người. Số ít thanh niên Thượng gia nhập các đơn vị Địa Phương Quân và Nghĩa Quân của xã, huyện, rất thân thiện với người lính Cộng Hòa- thay vì gọi là lính Việt Nam Cộng Hòa. Họ sẵn sàng che chở người lính Cộng Hòa nếu bị lâm nguy.

Ngày 24 Tháng 4 - 1972 khi căn cứ Tân Cảnh bị quân Cộng Sản Bắc Việt tràn ngập, Đại Tá Lê Đức Đạt Tư Lệnh Sư Đoàn 22 BB tử trận, Đại Tá Tôn Thất Hùng, Tư Lệnh Phó, thoát được trốn vào rừng, đói khát mười mấy ngày trời tưởng chừng kiệt sức, may đâu gặp được một người Thượng mang về nhà, che dấu nuôi ăn cho đến khi phục hồi, rồi được họ dẫn dắt về đơn vị. Cũng xin nói thêm trong sáng sớm ngày 24/4/1972 khoảng lúc 4 giờ, trước khi Tân Cảnh bị tràn ngập lúc 10 giờ sáng, Đại Tá Đạt và Đại Tá Hùng được Cố Vấn Trưởng Quân Đoàn II John Paul Van bay trực thăng lên ngõ ý đón về Kontum, nhưng cả hai Ông đều từ chối, ở lại sống chết cùng với chiến sĩ đang quyết chiến, tử thủ.

Thỉnh thoảng trong các ngày lễ lạc, các cô gái Thượng ra phố Pleiku chơi. Họ chia thành toán, rùng rình trong y phục và đồ trang sức rất dễ thương. Họ tập trung trong công viên nhỏ trước rạp chiếu bóng Diệp Kính. Nhìn họ tôi thầm nghĩ chính họ mới là dân Pleiku bởi Tây Nguyên là vùng đất đã sản sinh ra họ.



Khoảng mười ngày trước khi mất Pleiku, dân chúng rất hoảng sợ mong sao có một tấm vé máy bay để được di tản vào Sài Gòn. Giá vé đắt bao nhiêu không thành vấn đề, vì lúc bấy giờ đường hàng không dân sự Air Việt Nam đã không còn hoạt động được nữa do pháo 122 ly của Cộng Sản Bắc Việt rớt vào phi trường Cù Hanh ngày đêm. Chỉ còn các phi vụ quân sự bay về Sài Gòn mà thôi, nên một số bà con biết tôi làm việc tại Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn II có liên hệ đến các phi vụ quân sự chở người về Sài Gòn đến gặp tôi để xin đưa tên vào danh sách trong các phi vụ bay về Sài Gòn.

Tôi làm công việc này mang tính cách giúp đỡ tự nguyện không ăn một đồng xu các bạc nào của ai. Hễ ai lên được máy bay là tôi mừng như chính vợ con tôi đi được. Trong số người đến gặp tôi có một cô gái tự xưng là Hoàng Thị Ngọc hơi ốm, da không trắng, tóc đen dài trạc chừng ba mươi tuổi. Cô bảo

cô là Ngọ trong thơ của nhà sư Phạm Thiên Thư. Lúc cô gặp tôi thì Pleiku trong cơn hấp hối, không biết tôi có thể giúp gì được cho cô. Nhìn cô lúc đó rất tội nghiệp. Về sau này và cả đến hôm nay, tôi tự hỏi cô gái nọ có phải là cô Ngọ đích thực trong thơ của Phạm Thiên Thư chăng? Cô có thoát khỏi Pleiku trong cơn hấp hối đó không? Hơn bốn mươi bảy năm qua trong chiều dài lịch sử của Dân Tộc chúng ta đã nổi trôi theo vận nước chẳng biết ai còn ai mất!

Đêm 15 tháng 3 năm 1975 là đêm cuối cùng chúng tôi còn được ôm Pleiku vào lòng. Sáng hôm sau, chúng tôi sẽ được không vận về Nha Trang thành lập Bộ Chỉ Huy Chiến Thuật Quân Đoàn II, chỉ huy cuộc hành quân tái chiếm Buôn Mê Thuột. Không ai ngủ được vì quá xúc động khi nghĩ ngày mai phải xa nơi này và liệu có ngày về không?

Buổi sáng tôi thức dậy sớm, tôi ra phố để nhìn Pleiku lần cuối, vì tôi vốn dĩ là người đa cảm. Tôi lái xe qua cư xá Trần Quý Cáp, ngang qua tượng lộ thiên Đức Quan Âm Bồ Tát, qua dinh Tư Lệnh, vòng lên Chợ Mới nhìn vào quán cà phê Dinh Điền thông qua dinh Bảo Đại, đến Trường Phao Lồ. Tôi lái về Diệp Kính. Phố xá trong cơn hấp hối. Ôi buồn làm sao! Ghé lấy bộ áo quần gói giặt ủi, tôi thấy cô bé đang nằm trên võng đong đưa hát khê:

“Phố núi cao phố núi đầy sương, phố núi cây xanh trời đất thật buồn, anh khách lạ đi lên đi xuống...”

Tiếng hát em nghe sao buồn quá, hay chính lòng người trộm nghe em hát đang đang mang tâm sự buồn chia ly? Em có biết đâu đại họa sắp giáng lên đầu em và cả dân tộc. Làm sao em và cả đồng bào yêu thương sẽ chịu nổi đòn thù của bọn xâm lược bạo tàn Cộng Sản? Bất giác, tôi nhớ đến hai câu thơ khóc nhục mắt nước của nhà thơ ĐỖ MỤC, đời Đường bên Trung Quốc:

*“Thương nữ bất tri vong quốc hận
Cách giang do xứng Hậu Đình Hoa.”*

Tạm dịch:

Cô gái nước Thương chẳng biết biết nhục mất nước, có chi vui mà hát khúc Hậu Đình Hoa, khúc hát này chỉ ca trong các tiệc vui đình đám (lời chú thích của người viết).

Trước khi lái xe về Bộ Tư Lệnh cho kịp chuyến bay không vận về Nha Trang, tôi vòng qua cư xá Trần Quý Cáp, nhìn lần cuối ngôi nhà vợ chồng tôi và các con đã gắn bó, đầy ắp kỷ niệm trong bảy năm qua, khiến một trời kỷ niệm sống dậy trong lòng tôi. Mọi vật tôi để nguyên vẹn như thể khi vợ và các con thân yêu của tôi hồi còn ở đây. Tôi nhìn di ảnh của cha mẹ tôi, nhìn ảnh các con tôi, chiếc xe đạp nhỏ, mấy cặp học trò của Nguyên, Nhị và nhiều nữa còn nguyên vẹn để ở chỗ cũ. Khoảng năm phút sau tôi khóa cửa và ra đi, lòng tự hỏi còn có ngày về nhìn lại chốn cũ không? Bất giác tôi cảm thấy trong đôi mắt tôi như có từng giọt lệ đang chảy ra. Tôi đã bỏ Pleiku thật rồi không bao giờ còn thấy lại được nữa...

Lái xe về Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn, tôi thấy lòng buồn vô hạn. Tôi nhìn về phía Tây nơi có dãy Trường Sơn hùng vĩ, có đèo hình yên ngựa. Chính nơi đây ba năm về trước Đại Tá BẢO cùng biết bao chiến sĩ của Tiểu Đoàn 11 Nhảy Dù đã anh dũng hy sinh vì đại cuộc tại căn cứ Charlie. Chếch một chút về hướng Đông, mấy tháng sau Đại Tá ĐẠT, Tư Lệnh Sư Đoàn 22 BB, cùng các binh sĩ của Sư Đoàn đánh gởi thây nơi chiến địa. Sau trận phản công anh dũng nhưng cuối cùng căn cứ Tân Cảnh cũng bị bức tử, vì ta thiếu đạn dược. Ngoài ra, quân ta chỉ có một phải chọi lại năm chưa kể vũ khí của chúng được Nga và Tàu viện trợ, trang bị mạnh hơn ta gấp bội.

Pleiku ghi dấu trong tôi bao kỷ niệm về gia đình, chiến trường và bạn hữu. Thậm chí trong bao năm lao động “cải tạo” khổ sai, đêm nằm nhớ vợ nhớ con, tôi cũng miên man nhớ phở núi Pleiku.

Chín giờ sáng phi cơ chở chúng tôi sắp đáp xuống phi trường Nha Trang. Qua liên lạc vô tuyến chúng tôi biết được

bọn Cộng Sản xâm lược đã chiếm nơi đây. Các đơn vị quân đội và dân chúng đang trên đường di tản từ Phú Bổn về Tuy Hòa, qua Liên Tỉnh Lộ 7B. Tôi càng cảm thấy đau đớn hơn vì tôi linh cảm máu của quân dân ta sẽ đổ rất nhiều trên tỉnh lộ này, vì cầu và đường đã đổ nát sau chiến tranh Đông Dương, cho đến nay chưa bao giờ được tu sửa. Đau thương nhất con lạc mẹ, lạc cha, lạc người thân đây chết đau đớn cô đơn trên liên tỉnh lộ tử thần này. Đứa nào may mắn được người dân tộc cứu mang về nuôi sau đồng hóa thành người thiểu số bản địa. Năm mười năm sau đã có mẹ hoặc cha đi tìm con. Dù họ đối diện với con mình cũng không tài nào nhìn ra đứa con thất lạc năm xưa của mình nữa.

Trách thay vị Tư Lệnh nào đã chọn Liên Tỉnh Lộ 7B làm đường rút quân, đã chôn hàng ngàn quân dân cán chính Pleiku, và làm thất lạc hàng trăm đứa con, tạo bao cảnh thương đau trên tỉnh lộ này, cho đến hàng chục năm sau vết đau vẫn còn rỉ máu.

Portland, ngày 10 tháng 11 năm 2021



TIỂU THƠ

Phạm Tín An Ninh

Râm!

Tôi và hai thằng bạn vừa rà thắng xe đạp trước rạp Tân Tân để vào xem phim “Ba Chàng Ngự Lâm Pháo Thủ” thì bị một chiếc Vélo Solex húc từ đằng sau tới. Cả ba thằng ngã xuống đất. Riêng tôi còn bị cái xe của thằng bạn đè lên bụng đau muốn nín thở. Mới lo ngại bò dậy, chưa kịp phủ bụi trên áo quần thì nghe tiếng quát tháo:

- Ê! bộ ba “chàng ngự lâm pháo thủ” mù cả hà. Dừng ngựa mà chẳng coi chừng phía đằng sau! Đáng đời!

Vừa ngượng vừa tức giận bởi tự dung bị húc té nhào giữa thanh thiên bạch nhật và trước bao nhiêu người đẹp, chưa kịp nắm cổ áo cho một trận, thì bị thủ phạm tiếp tục tấn công phủ đầu. Đúng là cà chớn. Nhưng nhìn lên thì... à... cả ba thằng khựng lại: Đối phương là một cô gái, tuổi ô mai, tóc còn thắt bím, ngồi trên Vélo, vòng tay trước ngực, trề môi, rồi trợn đôi mắt to như hai cái đèn “ô tô”:

- Số còn hên đó. Cái vélo không bị hư gì. Tiểu thơ tha cho đó. Lần sau liệu hồn!

Nói xong cô bé nguyệt một cái rồi rồ ga chạy mất tiêu.

Dù chưa bao giờ bị thầy Bửu Căn phán cho cái tội “con nhà

không có lư hương”, bọn tôi cũng phải chửi thề một tiếng cho hả giận. Thăng Cường, đứa hiền lành ít nói nhất trong bọn tôi, xắn tay áo, xổ nho trước:

- Đ.m. con gái nhà ai trông đẹp thế mà đánh đá như bà chằn. Phải mà con trai thì biết tay tao.

Đúng là cô bé khá xinh, nhất là đôi mắt thật to và đôi môi mọng đỏ, dù có trề lên ngạo nghễ, cũng vẫn đáng yêu ghê lắm. Tôi nghĩ vẫn vợ như thế khi theo người soát vé dẫn tới chỗ ngồi. Trong rạp tối mò. Ba thằng chúng tôi vào trề. Trên màn ảnh đang chiếu phim thời sự: Tổng Thống Ngô Đình Diệm đang kinh lý Ban Mê Thuật (*nhưng không thấy cảnh ông bị ám sát hụt*).

Suốt buổi hôm ấy, mắt nhìn lên màn ảnh, mà tâm trí tôi thì chỉ thấy có đôi mắt cô bé, trừ khi nào có tiếng súng nổ của ba chàng ngự lâm, tôi mới giật mình trở lại với truyện phim đôi ba phút.

Cha tôi nói đúng, hồi mới ba tuổi, tôi đã khóc đến cả tháng trời khi mẹ tôi mất, ông bảo rồi sau này tôi sẽ là một thằng đa sầu đa cảm. Và hôm nay, dường như tôi bắt đầu biết tương tư đây.

Nha Trang cũng chẳng lớn hơn cái thành phố núi Pleiku là bao nhiêu, để ông nhà thơ nào đó “*đi dăm phút trở về chốn cũ*”. Vậy mà cả mấy tháng rồi, tôi chưa gặp lại cô bé, mặc dù thời ấy Nha Trang đã có khá nhiều vélo solex, đủ làm tôi nhìn theo muốn ngoẹo cổ. Tôi nghĩ, chắc là cô bé từ đâu đến chơi. Trông nước da trắng hồng, có thể là từ Đà Lạt xuống thăm ai đó rồi lại biến mất như một nàng tiên trong cổ tích.

Quê tôi ở ngoài Vạn Giã. Vào Nha Trang học, ở nhà ông chú, trước ở gần rạp ciné Moderne của ông Bác Ái, tôi sau này dọn lên gần Ty Thông Tin. Chú tôi, ngoài làm chủ tiệm bán mọi vật dụng về điện, còn thâu các công trình điện. Ông bà chỉ có một cô con gái rượu, cứng như trứng mỏng, nên mọi thứ ngược xuôi giao dịch ông cần tới tôi. Để tôi lên tinh thần, bỏ

bớt cái tật ham chơi và lười biếng có lẽ từ khi còn trong bụng mẹ, ông thường bảo:

- “Cháu còn nhỏ mà coi bộ có khả năng thương mại. Cố gắng theo chú học hỏi, sau này dám qua mặt tao nữa đó.”

(Cái này thì ông nói thật lắt. Vì sau này tôi trở thành lính đánh giặc, nên cả đời có buôn bán được cái gì đâu.)

Cả năm cứ mong tới mùa hè là tôi dọt về quê thăm cha tôi và chơi với mấy thằng bạn nổi khố, rủ nhau ra con sông quê, ngày bơi lội, tối cắm câu, ngủ ngoài trời mà đua nhau đếm thử có bao nhiêu vì sao, tìm đâu là dải Ngân Hà có cái Cầu Ô Thước của Nguru Lang Chức Nữ. Coi bộ vui và lãng mạn hơn ở trong cái thành phố Nha Trang này nhiều. Vậy mà mùa hè này tôi bị ông chú tôi giữ lại, sau khi thuyết phục được ông già tôi, bảo là để cho tôi tập làm quen với thương trường. Tôi nghe mà phát sợ, cứ như là sắp sửa bị ông đẩy tôi ra giữa chốn sa trường!

Bài học đầu tay là tôi xách cặp theo ông, đi dự một cuộc họp với mấy ông thần khoán khác, trong một công trình “*hợp tác mỗi bên cùng có lợi*”. Nơi họp là một ngôi biệt thự khá đẹp nằm trên con đường Duy Tân có gió reo sóng vỗ...

Tôi rụt rè theo sau ông chú, bước vào phòng khách. Nhiều người đã có mặt. Ông nào trông cũng bệ vệ, đặc biệt có một ông mặc quân phục, oai phong cao lớn, mà coi bộ mọi người ai cũng nể trọng. Nghe nói chuyện một hồi tôi mới biết đó là ông Đại Tá Đỗ Cao Trí, chỉ huy Quân Trường Đồng Đế. Lúc ấy tôi còn nhỏ, đâu có biết gì nhiều về lính tráng, nhưng tôi có nghe nhiều người kể chuyện tình ông đại tá này với một bà dược sĩ nào đó có tiệm thuốc tây trên đường Độc Lập. Bà này mới vừa ly thân ông chồng dược sĩ, có ông bồ là đại úy phi công trẻ tuổi đẹp trai thường đèo bà trên chiếc vespa chạy vòng vòng ngoài bờ biển, mặc dù bà có chiếc xe hơi thể thao trọc mui duy nhất ở thành phố này. Tội nghiệp ông phi công, vừa mới bị ông đại tá này nói nhỏ bạn bè làm lớn bên Không

Quân cho bay ra tận ngoài Vùng 1 xa tí mịt mù. (Sau này ông phi công hào hoa lấy một cô ca sĩ có giọng hát buồn... vào hôn không tên nào đó.) Nghe mấy ông bàn bạc, tôi mới biết buổi họp này là để bàn việc xây cất và chỉnh trang lại toàn bộ doanh trại của Quân Trường Đồng Đế, mà chú tôi và mấy ông bạn thầu khoán vừa mới trúng thầu.

Tôi ngồi sau lưng ông chú, ghi ghi chép chép cứ như là... phóng viên tập sự. Nửa buổi thì ngưng họp ăn cơm. Một bữa ăn thịnh soạn từ nhà hàng mang tới. Vì thuộc hàng con nít, nên tôi được ưu tiên ra sân sau ngồi chung với mấy anh tài xế và con cháu ông chủ nhà. Vừa bước ra, chưa kịp tìm chỗ ngồi, thì tôi giật mình, sững sờ đến mấy phút. Cô bé, cô tiểu thơ... vélo solex, tông bọn tôi trước rạp Tân Tân gần ba tháng trước, đang ngồi chễm chệ tự lúc nào trong cái ghế bành duy nhất bên bàn ăn.

Lấy lại bình tĩnh, tôi đến kéo chiếc ghế bên cạnh cô bé:

- Chào tiểu thơ, chàng ngự lâm pháo thủ bị xe tông... ngã ngựa có được phép ngồi đây không ạ ?

Cô bé nhìn tôi tròn xoe đôi mắt. Đôi mắt mà tôi đã tìm kiếm hơn ba tháng nay, cứ tưởng đã biến mất khỏi Nha Trang, bỗng dung bây giờ đang mở lớn hết cỡ trước mắt tôi. Tôi ngồi yên như bị thôi miên. Dường như vừa mới nhớ ra tôi, cô bé nhoèn miệng cười:

- À, hữu duyên thiên lý năng tương ngộ! Vous cứ tự nhiên.

Tôi ngạc nhiên, cô bé coi bộ Tây này còn xỏ cả tiếng Nôm tiếng Hán. Tôi nhủ lòng:

- Không phải vừa đâu nghe.

Vậy mà cái cuộc trùng phùng khá bất ngờ này lại đưa đẩy tôi đến một nấc thang danh vọng: Làm gia sư cho cô bé. Nói gia sư cho oai phong, chứ hồi đó chỉ có mỗi chữ “dạy kèm” thôi, chứ sư với siếc gì.

Số là sau này, khi thực hiện công trình, tôi thường theo chú

tôi đến đây, cũng có nhiều lúc tôi đến một mình để trao giấy tờ và tham khảo ý kiến của ông chủ thầu, papa của nàng. Dần dà tôi quen thân với cả nhà. Gia đình trước sống ở Đà Lạt, làm chủ mấy cái hotel. Bà vợ bị chết bởi một tai nạn giao thông ngay trên đèo Ngọn Mực, ông già buồn quá không muốn mỗi ngày nhìn thấy bóng dáng bà vợ trong thành phố sương mù, nên dọn xuống Nha Trang, trở lại nghề thầu khoán gia truyền từ mấy đời trước. Ông bà chỉ có mỗi một cô con gái, nhưng trong nhà ông nuôi nhiều cháu và gia nhân. Gặp tôi nhiều lần, và qua chú tôi, ông già cô bé nghe nói tôi cũng gốc nhà quê, hiền lành chăm chỉ, nên nhờ tôi, cứ ba tối mỗi tuần ghé lại nhà kèm cô con gái cưng của ông về môn Toán và Việt Văn. Cô bé vừa từ trường Domaine de Marie ở Đà Lạt chuyển xuống lớp Dự Ngũ trường Nữ Trung Học Nha Trang, đọc thơ Chinh Phụ Ngâm và Cung Oán Ngâm Khúc mà không hiểu bà Đoàn Thị Điểm và ông Ôn Như Hầu nói cái gì trong đó...

Môn toán thì tôi không biết vẽ rờng vẽ rần, chứ cái môn Việt Văn này coi bộ bao la trời biển quá, vẽ cái gì chẳng được.

Hôm đầu tiên, tiểu thư vẫn còn cao điệu, gọi tôi là Thầy. Không biết là do lệnh của ông già, vì đề phòng tôi “tán bậy” con gái, nên phong cho tôi cái chức “*bán tự vi sư nhất tự vi sư*” để tôi biết phận mà giữ mình, hay là cô bé chọc quê tôi không biết.

Thấy “diễn nôm diễn tích” mấy câu thơ trong Cung Oán Ngâm Khúc coi bộ không ăn khách, chẳng hấp dẫn nổi cô bé, tôi quay sang đọc thơ cho cô bé nghe. Hồi đó ở Võ Tánh có hai nhà thơ rất sớm nổi tiếng, mà dù là tên thật hay bút hiệu gì nghe cũng đẹp làm sao: Thanh Nhung và Cao Hoàn Nhân, Tôn Nữ Nha Trang và Bùi Cao Hoàn gì đó. Không biết có đúng hay không, nhưng tôi nghe bạn bè thêu dệt về cuộc tình lãng mạn của hai nhà thơ học trò vang bóng một thời này. Tôi chọn mấy bài thơ ướm át nhất của hai người đọc cho cô bé nghe. Và cũng lạ, không cần diễn nôm diễn nghĩa gì cả, cô bé không những hiểu rất nhanh mà còn cảm nhận đến độ lim dim

đôi mắt... nhìn xa xăm.

Có một điều tôi quên nói: Cô bé cũng thuộc dòng Tôn Nữ, cũng có một cái tên hay lắm, Tôn Nữ Giáng Vân. Nhưng tôi vẫn thích gọi cô bé là Tiểu Thơ, cái tên mà nàng đã tự xưng khi đứng tôi trước rạp Tân Tân. Hơn nữa tôi thấy cái tên này cũng hợp với cô bé lắm. Tôi nghĩ thầm, có lẽ nàng Tôn Nữ xứ Huế nào cũng đẹp và... lãng mạn đa tình.

Các tác phẩm của Tự Lực Văn Đoàn, cô bé mê nhất là Hồn Bướm Mơ Tiên, nên thường bắt tôi kể lại cho nàng nghe. Mẹ nàng vốn là một Phật tử ngoan đạo. Sau ngày bà chết, ba nàng cúng dường khá nhiều tiền để chỉnh trang hai ngôi chùa Tỉnh Hội, Hải Đức và cúng thỉnh thêm nhiều tượng Phật. Cô bé thường theo cha lên chùa Hải Đức. Nàng bảo mỗi lần lễ Phật, nàng cứ tưởng tượng mình là “chú tiểu” Lan, nhưng lại rất sợ và bịt kín tai khi nghe có tiếng đại hồng chung, nên chắc không thể nào giả trai lên chùa tu được.

Một hôm cô bé nhất quyết bắt ông thầy phải làm cho cô bé một bài thơ. Nếu không thì không chịu học. Cái này thì đúng là tiểu thơ muốn hại “đời tu” của tôi đây. Mang tiếng là học ban C nhưng hồi giờ tôi có thơ với thần gì đâu, chỉ lâu lâu cùng với mấy thằng bạn trong lớp nghịch ngợm bày ra trò chơi nổi vắn một bài lục bát con cóc để gheo cô bạn nào đánh đá trong lớp. Vậy mà hôm ấy, không biết con tim nó ướm át đến cỡ nào, tôi phóng bút làm xong một bài thơ chưa đầy mười phút. Đọc qua nghe có mùi cải lương không chịu nổi, nhưng tôi cũng tự phục mình. Tôi đưa bài thơ cho nàng đọc:

*N ngày tháng trôi dần theo nhớ thương
I như duyên nợ đã vắn vương
N ên tình mây nước cùng trăng gió
H ẹn ở ngày mai một nẻo đường
YÊU vắn trăng sáng in cành lá
V à khúc nhạc lòng dâng đến hương
Â n ái giờ đây là mơ ước*

N gờ một tâm tình một vấn vương

Cô bé đọc xong không biết có hiểu gì không, (*mà thực ra bài thơ cũng có nghĩa gì đâu mà hiểu với không*), gật gù khen và hỏi:

- Sao bài thơ không có tên?

- Có tên rồi đó mà tiêu thơ không thấy à?

Cô bé lật qua lật lại mảnh giấy:

- Tên với tựa gì đâu, không thấy, trả lại thầy, không thêm.

Tôi cười, vuốt ve cô học trò:

- Thì Vân cứ ghép tất cả các mẫu tự đầu ở mỗi câu lại, sẽ thấy cái tựa liền.

Khổ thật, tôi còn phải giải nghĩa thêm mẫu tự là cái gì, thì cô ta mới tìm được cái tựa bài thơ. Cô bé đỏ mặt, vất mảnh giấy có bài thơ xuống đất:

- Không thêm chơi với Thầy nữa.

Nói là không thêm chơi, nhưng cũng kể từ hôm ấy cô bé thân thiết và gần gũi với tôi hơn. Ba nàng cũng thấy tin và quý ông gia sư nhóc tí này, vì thấy con gái cưng của mình chăm học, vui vẻ yêu đời hơn.

Mùa hè năm đó, cô bé theo tôi về nhà quê chơi, nhân tiện có cô con gái của ông chú tôi cùng về thăm quê nội. Dường như đó là lần đầu tiên cô bé ra một vùng quê. Không biết là gió nội hương đồng hấp dẫn cô bé, hay là suốt ngày dung dăng dung dẻ làm nũng làm nịu với “ông Thầy”, cô bé ca hát líu lo và bảo là yêu... đồng quê ghê lắm. Và đó cũng là một mùa hè đẹp nhất, có ý nghĩa nhất trong đời học trò của tôi, dù ở quê tôi chẳng có cây phượng vĩ và cũng chẳng nghe có tiếng con ve sầu nào rên rĩ.

Hai năm sau, tôi rời Nha Trang vào Sài Gòn học tiếp. Tôi buồn và tiếc nuối vì phải chia tay cái nghề gia sư với cô học trò nhỏ nhưng có đôi mắt thật to... của mình. Cô bé được ông

già chở lên ga Nha Trang tiễn tôi đi. Tôi cũng cố làm ra vẻ “đi là chết ở trong lòng một ít”, làm cô bé mỉm lòng muốn khóc. Ông già cứ tưởng là nhờ ơn tôi mà cô bé vừa đậu cái bằng trung học kỳ rồi, nên cũng nắm chặt tay tôi, lì xì một mớ tiền và cảm ơn rồi rít...

Vậy mà cái tình yêu ấy (không biết có đúng là tình yêu hay không, nhưng cứ nói như thế cho nó lãng mạn và người lớn một chút) cũng làm cho lòng tôi xôn xang một dạo.

Sau đó chỉ có vài lần tôi nhận được thư cô bé, kể chuyện những bạn bè thân quen của cô bên trường Nữ, và chuyện chiếc máy bay phản lực rơi xuống bên cạnh rạp Tân Tân, nơi mà lần đầu tiên tôi biết cô bé nhờ chiếc vélo của cô tông tôi ngã xuống bên lề đường. Nhưng lần nào cũng kèm theo một bài thơ tình... con cóc.

Năm năm sau, khi cô bé đã trở thành người lớn và quen “ông Thầy” thích đọc thơ tình cho cô học trò... lim dim đôi mắt, thì cũng là lúc tôi hát khúc Biệt Kinh Kỳ, xếp bút nghiên theo việc kiếm cung.

Ra trường, tôi được bổ sung về một đơn vị lưu động trên vùng Cao nguyên gió lạnh mưa mùa. Năm 1972, tôi bị thương trong trận Mùa Hè Đỏ Lửa ở Kontum, được đưa về Quân Y Viện Pleiku điều trị. Khi vết thương vừa lành, tôi nhận Sự Vụ Lệnh của đơn vị đề cử về Sài Gòn trong đoàn “chiến sĩ xuất sắc” được Tổng Thống tiếp đón tại khu vườn Dinh Độc Lập. Thực ra là tôi có xuất với sắc cái gì đâu. Khi còn độc thân thì hăng máu lắm, chứ đã có vợ rồi thì cũng hơi lạnh cảng, ngại cái cảnh “anh trở về đang dở đời em”. Nhưng chiến tranh đang hồi ác liệt, nếu cứ chiến sĩ xuất sắc thứ thiệt đi thì thiếu người đánh giặc giỏi, mà lại hao hụt quân số tác chiến, tôi đang trong tình trạng bất khiển dụng, nên cho tôi đi là nhất cử lưỡng tiện. “Chiến sĩ xuất sắc” được ưu ái đi bằng máy bay dân sự. Tại phi trường Pleiku bụi đỏ, tôi bất ngờ gặp lại Tiểu Thơ khi tôi vừa ngơ ngác bước lên máy bay Air Vietnam và khựng lại

trước đôi mắt thật to của côhôtesse de l'air đang mỉm cười chào khách. Trong chiếc áo dài màu thiên thanh, có thêu hai con rồng trên cổ áo, nàng đẹp như một nàng tiên. Khi chiếc máy bay DC 4 đã lấy lại thăng bằng trên cao độ, nàng đến ngồi chiếc ghế trống trước mặt tôi, quay ra sau trò chuyện. Trong chớp nhoáng, tôi biết là nàng đã có chồng. Anh ta là một phi công phản lực F5, thuộc đơn vị Biên Hòa. Hai người làm đám cưới hơn một năm. Tôi nghĩ, con gái đẹp thường chọn mây ông Không Quân, vừa được tiếng có ông xã hào hoa, đi mây về gió, vừa khó trở thành góa phụ. Anh phi công nào phải vừa bô trai vừa tốt số lắm mới lọt được vào đôi mắt của Tiểu Thơ này. Tôi nghĩ như thế mà lòng thì cũng thấy một chút băng khuâng.

Chỉ nói chuyện được vài câu, nàng ghi địa chỉ của tôi ở Sài Gòn, rồi hẹn sẽ cùng đực lang quân ghé đón đi Maxim nghe Lệ Thu hát bài *Kỷ Vật Cho Em*. Tôi cười, bảo là rất sợ bài hát này, cái bài hát mà thằng lính nào nhát gan nghe xong là không còn muốn “đáo nhậm” đơn vị nữa. Cuối cùng nàng đến có một mình, “ông xã” vừa mới biệt phái ra Vùng 1. Tôi đó thay vì đến nhà hàng Maxim, nàng đưa tôi ra Quán Cãi Chùa cho có vẻ nghệ sĩ một chút, mời “ông Thầy” uống cà phê có hương vị Tùng Đà Lạt - mà chủ nhân thường pha chế đặc biệt cho riêng nàng- để nhớ những ngày cô còn ở đó... Đường như khi đã lớn rồi, người ta lại muốn tìm về cái thời đi học. Hai đứa chỉ ngồi nhắc lại chuyện Nha Trang, chuyện mấy bài thơ con cóc, rồi chia tay không hẹn ngày tái ngộ. Thời chiến tranh mà, “*cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi*” biết đâu mà hẹn.

Tháng 3 /1975, Nha Trang rồi cả Vùng 2 mất,... Bao nhiêu năm sống chết với núi rừng Hoàng Triều Cương Thổ, tôi theo đơn vị chỉ còn một phần tư quân số “di tản” vào Vũng Tàu để tái bổ sung, rồi kéo xuống tham dự những trận đánh cuối cùng cô đơn và buồn tẻ ở những địa danh xa lạ: Bến Lức, Cần Giuộc thuộc tỉnh Long An, nhằm ngăn chặn địch quân đang tràn về vây hãm và pháo kích Sài Gòn.

Cũng như nhiều đơn vị khác, vào giờ thứ 25, chúng tôi đánh giặc không có “đại bàng”. Lần cuối cùng tập hợp anh em lại hô “tan hàng” mà không còn nghe “cố gắng” nữa, thì tôi mới biết là ông tướng tư lệnh đã có mặt trên Đệ Thất Hạm Đội Mỹ trước đó hai ngày rồi! Thôi thì, xưa nay người ta đã nói “*nhất tướng công thành vạn cốt khô*” mà. Cuối cùng thì miền Nam cũng thất thủ. Đám tội tôi được người “anh em” chiến thắng mời vô trại cải tạo để được hưởng “*chính sách khoan hồng của khách mệnh!*”

Tám năm lưu đày từ Nam ra Bắc, cuộc đời thoi đàn cứ như gởi theo những đám mây bay. Cái hạnh phúc bây giờ chỉ còn là những phút giây hồi tưởng. Mà hồi tưởng cũng phải “cảnh giác”, chứ không khéo cũng bị cùm vì cái tội “luyên tiết quá khứ”. Bạn bè cùng cảnh luyên tiết điều gì thì tôi không biết, nhưng riêng tôi lại tiết nhớ cái tuổi học trò, và cái thời con tim mới biết yêu. Tôi lại nhớ đến Tiểu Thơ, đến đôi mắt tròn xoe của cô bé, và nhớ tới cái hạnh phúc làm “gia sư” của tôi còn hơn là nhớ tới mười mấy năm làm bạn với ông Nguyễn Bắc Sơn “*ta vốn hiền khô - ta là lính cẩu, đi hành quân rượt để vẫn mang theo, mang trong đầu những ý nghĩ trong veo, xem chiến cuộc như tai trời ách nước*”. Tôi hình dung bây giờ chắc nàng đang hạnh phúc ở một chốn thiên đường nào bên nước Mỹ. Ông xã là Không Quân mà, lại đóng ở Biên Hòa nữa. Chỉ cần một lần cất cánh nhẹ nhàng là thay đổi cả cuộc đời.

Ra tù, trở lại thành phố xưa, tôi có cảm giác Nha Trang sao bây giờ xa lạ quá, không còn là “*hang động tuổi thơ*” của bọn tôi ngày trước nữa. Nhưng rồi tôi cũng đâu có được phép ở lại cái thành phố này, mà phải về tạm trú ở quê tôi ngoài Vạn Giã. Ở đó tôi chỉ còn một bà cô già sống quạnh hiu trong ngôi nhà từ đường có mái ngói âm dương của ông bà nội. Cha tôi thì cũng đã chết cách đây sáu năm trong trại cải tạo Đá Bàn. Mồ mả còn chưa biết ở đâu. Nhưng rồi tôi còn có cái may, là gần như mỗi ngày tôi đều ghé lại Nha Trang một lần, bởi tôi được

ông anh bà con cho tôi làm tài xế phụ kiêm lơ xe cho chiếc xe đồ nhỏ của ông chạy đường Nha Trang - Tuy Hòa. Xe chạy bằng than và khách hầu hết là mấy bà đi buôn chuyên.

Một hôm tôi đang lui cui đứng trên mui, thì một bà khách kêu tôi nhắc hộ đội thúng của bà lên. Bà lấy hết sức đưa từng chiếc thúng lên, nhưng rồi lại bị sà xuống. Trong đôi thúng là những thỏi đường màu đen khá nặng. Tôi phải dùng một cây móc sắt đưa xuống, bảo bà móc vào để tôi kéo lên. Khi lấy sức kéo đôi thúng lên tôi bất ngờ gặp đôi mắt thật to và tròn xoe. Đôi mắt nhìn tôi tựa hồ như xoáy vào lòng tôi nhát dao đau buốt. Tôi nhảy xuống xe, nắm chặt đôi vai gầy còm của bà khách:

- Là em, là Tiểu Thơ đây à?

Nàng nhìn tôi, rồi nước mắt đầm đìa.

- Tiểu Thơ, à quên... Vân, làm sao mà em lại ra đến nỗi này.

Nàng cúi xuống im lặng, không nói một lời nào.

Ra đến Tuy Hòa, tôi gánh hộ nàng gánh đường giao cho một cái quán trong chợ, rồi mời nàng đi ăn cơm trưa. Tôi đang nóng lòng được biết về hoàn cảnh của nàng:

- Ông xã em bị kẹt ngoài Vùng 1 rồi mất tích luôn từ đó tới bây giờ. Em có đi hỏi một vài người bạn cùng phi đoàn, thì họ cho biết là anh ấy bị bắn rơi khi yểm trợ cho anh em Thủy Quân Lục Chiến rút về Đà Nẵng. Em chờ đợi xem anh có bị bắt cầm tù ở đâu không, nhưng đến bây giờ thì chắc chắn là anh đã chết thật rồi.

- Còn ba em đâu?

- Nhà cửa ba em bị tịch thu hết. Ông bị bắt đi cải tạo với lý do từng thầu xây cất doanh trại cho Mỹ trong phi trường. Chỉ một năm là ông chết.

- Vậy bây giờ Vân ở với ai?

- Em ở với con gái em. Nó gần mười tuổi rồi. Khi gặp anh

ở Sài Gòn là em vừa mang thai nó mà chưa biết. Mẹ con em được đền bù một căn nhà tôn nhỏ của thương phế binh hồi trước, nằm sau ga xe lửa.

Tôi nhét vào tay Vân tất cả số tiền mà tôi kiếm được hôm ấy, bảo nàng mua hộ tôi quà cho cháu gái.

Sau đó tôi gặp lại nàng chỉ thêm hai lần nữa, vì ông anh họ tôi đã phải bán rẻ cái xe hơi cho người khác, bởi không đủ tiền sửa chữa mà còn cứ bị chính quyền trưng dụng đi chở lúa cho hợp tác xã, không trả một đồng nào. Cũng đúng vào lúc này, tôi tính chuyện vượt biên.

Tôi kể chuyện Tiểu Thơ cho vợ tôi nghe. Bây giờ tôi thương cô như một người em gái. Vợ tôi tốt bụng, thương mẹ con cô cũng như hoàn cảnh của chính mình, sẵn sàng cùng tôi giúp mẹ con nàng đi cùng chuyến vượt biên, do chính tôi tổ chức.

Một tuần trước khi ra đi, tôi vào Nha Trang tìm đến nhà nàng. Căn nhà khóa kín cửa. Tôi chờ đến tối mà chẳng thấy mẹ con cô trở về. Tôi gõ cửa căn nhà bên cạnh. Chủ nhà lại là một anh thương phế binh, nhờ mất cả hai chân nên không bị đuổi khỏi nhà... Anh cho biết là mẹ con nàng đã dọn đi đâu cả mấy tuần rồi, không thấy về nhà.

Trời thương, chuyến vượt biên cũng đến được bến bờ, nhờ một chiếc tàu chở dầu của Vương Quốc Na Uy vớt trên biển, trước khi cơn bão ập đến. Với ân tình này, vợ chồng tôi chọn Na Uy là nơi để gởi gắm phần đời còn lại của mình và vun đắp tương lai cho mấy đứa con nhỏ dại.

Mùa Hè năm 1989, vợ chồng tôi đưa hai cô con gái sang Mỹ học, nhân tiện ghé thăm và chia buồn gia đình ông anh họ, đi từ năm 78, định cư ở thành phố Sacramento, bắc Cali,... Anh chị vừa có thằng con trai bị chết đuối khi theo cha đi câu ngoài biển.

Bao nhiêu năm gặp lại nhau, anh chị tiếp đón chúng tôi thật ân cần, nhưng không vui vì cái bàn thờ đứa con trai còn nghi ngút khói hương.

Sáng hôm sau, anh chị đưa tôi đến nghĩa trang thăm mộ cháu rồi chở chúng tôi đến một ngôi chùa Sư Nữ ở gần đó, để bàn việc làm lễ cầu siêu cho cháu. Anh cho biết anh chị rất thân quen với Sư Bà trụ trì. Bà rất quý anh chị không chỉ vì biết nhau từ lúc còn ở Nha Trang mà vì anh làm nghề thầu sửa chữa nhà cửa, nên cả ngôi chùa này phần lớn là do công sức của anh cúng dường.

Ngôi chùa không lớn lắm, khu chánh điện còn đang dang dở, nhưng vườn khá rộng và trồng nhiều loại hoa. Trong chùa tiếng tụng kinh, gõ mõ càng đượm không khí trang nghiêm. Chúng tôi được một cô Phật tử mời ngồi uống trà và xin chờ chừng nửa tiếng, vì Sư Bà đang cúng Ngọ.

Khi ông anh bà chị đứng bật dậy, chúng tôi chợt nhìn thấy Sư Bà vừa bước ra. Tôi ngạc nhiên vì Sư Bà còn trẻ và trông rất phương phi, nhất là hai tai thật to và dài xuống như tai các tượng Phật tôi thường nhìn thấy trong các ngôi chùa. Điều làm chúng tôi thú vị là bà rất vui vẻ cởi mở. Bà bảo bà cũng là dân Nha Trang nên rất mừng khi tiếp được người đồng hương từ tận bắc Âu đến viếng.

Sau một lúc hàn huyên, tôi biết được Sư Bà là người có trình độ học vấn cao. Bà có cử nhân Văn Khoa và đang học năm cuối cao học văn chương tại đại học Vạn Hạnh thi miền Nam thất thủ.

Điều ngạc nhiên hơn là Sư Bà cho biết có khá nhiều ni cô gốc Nha Trang đang tu ở chùa này, trong đó có con gái của ông chủ tiệm ảnh nổi tiếng một thời ở đường Phan Bội Châu mà ngày xưa tôi cùng đám bạn bè thường đến để chụp ảnh, con gái một bà chủ tiệm vàng trước Grande Pharmacie, và một vài ni cô nữa. Bà còn bảo thật là tội nghiệp, có vài cô đã gặp bao nhiêu nghịch cảnh thương tâm trên biển Đông, chồng chết con chết, chỉ còn lại một mình. Ban đầu Bà đưa về chùa cư mang, rồi sau đó các cô xin được xuống tóc qui y luôn. Sư Bà mời chúng tôi ở lại dùng cơm chay cùng với Bà, nhân tiện bà giới

thiệu với mấy ni cô gốc Nha Trang cho biết, bởi tôi cũng là một phật tử thuần thành.

Tôi theo ông anh bà chị xuống bếp phụ dọn cơm. Nhưng ông anh ngăn lại:

- Chú là người lạ, không nên vào bếp. Hôm nay chú thím là khách của Sư Bà mà.

Ngồi dọc theo chiếc bàn dài, gồm các ni cô và một vài phật tử, chỉ có chúng tôi là “dân sự”. Sư Bà giới thiệu chúng tôi là đồng hương, những phật tử đến từ tận Bắc Âu. Tôi vừa đứng lên chấp hai tay trước ngực, bỗng bất ngờ bắt gặp đôi mắt thật to, tròn xoe của một ni cô ngồi ở phía cuối bàn. Ni cô cũng vừa nhìn tôi rồi cúi xuống. Đôi mắt đó với tôi có một cái gì thần giao cách cảm. Đúng. Trên thế gian này chỉ có Tiểu Thơ mới có đôi mắt ấy mà thôi.

Dùng cơm xong, là đến giờ nghỉ trưa của Sư Bà. Chúng tôi cảm ơn Sư Bà và xin được cúng dường một số hiện kim để trùng tu chánh điện.

Tôi từ giã Sư Bà, trong lúc mắt nhìn quanh như muốn tìm kiếm một điều gì. Nhưng tất cả chỉ có im lặng, ngoài tiếng chuông chùa ngân nga như chẳng bao giờ muốn tan đi trong không gian bao la vô tận.

Tôi bước ra khỏi cổng chùa. Chùa nằm trên một khu đất bằng phẳng, nhưng sao tôi có cảm giác như mình đang lững thững bước xuống chân đồi. Tôi hình dung đến Ngọc vừa chia tay “chú tiểu” Lan lần cuối cùng ở chùa Long Giác trong Hòn Bươm Mơ Tiên của nhà văn Khái Hưng, mà ngày xưa Tiểu Thơ đã bắt tôi phải kể đi kể lại bao nhiêu lần.

Cây Phân Nhánh

*CSVSQ Trần Cẩm Tường,
K19 Nguyễn Trãi.*

Cây phân nhánh còn có gốc và ngọn
Có lá có hoa và trái nặng trĩu đầy cành
Phải có đủ thân, cây tốt tươi sống mạnh
Phàm làm người ai nỡ cắt bỏ tay chân

*Còn lại cái đầu già ái ngại không vui
Hôm nay thấy cảnh anh em mình họp lại
Cái đúng cái sai lâu ngày đã mờ phai
Mừng cây sống đời nhiều hoa trái tốt tươi*

Australia

** Tựa bài do Ban Biên Tập đặt.*



Bài Thơ Họa của Cao Xuân Thanh Ngọc K14/2

Gốc cây nuôi bởi lá cành
Không gốc không rễ sao nhánh tốt tươi
Hùng phong cây đứng giữa đời
Nhờ chung một thể, đây vui một nguồn

*Chia xa tất cả sẽ buồn
Cạn dòng nhựa sống cạn luôn nghĩa tình
Chiều ra đầu ngõ một mình
Gió đưa tóc bạc hỏi tình nước non*

Hỏi người tuổi hãy còn son
Nụ trên đầu nhánh hãy còn tốt tươi
Ước chẳng hoa nở nụ cười?
Mơ chẳng hạnh phúc ngàn vui sẽ về?

*Muốn chẳng nhân nghĩa tràn trề?
Mộng chẳng mây gió để huê tự do?
Cộng Hòa ngày ấy ấm no
Việt Nam ngày ấy chẳng lo độc tài*

Vậy đừng lòng nở chia hai
Vậy đừng lạnh nhạt phôi phai hội đoàn
Chung tay chung sức chung bàn
Chung lòng chung trí chung ngàn tâm tư

*Được vậy Cây Việt sẽ như
Cây từng cây bách vì vu giữa đời
Lịch sử lặng lẽ mỉm cười
Con rồng cháu phụng hát lời tự do.*

